TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ và bà Nguyễn Thị Thương
-*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thuỷ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2027/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X năm 1985.
Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Phạm Thế C năm 1984
Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị X1 trình bày: Chị và anh Phạm Thế C1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/5/2013. Trong quá trình chung sống đã sảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, nên chị xin được ly hôn anh C1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Thế M, sinh ngày 24/01/2014. Chị X1 có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị X1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thế C1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh, nhưng anh vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh Phạm Thế C1 là ông Phạm Thế T (Bố đẻ của anh C1). Ông T cho biết: Chị X1 và anh C1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình. Sau đó vợ chồng đi làm việc ở Bắc Ninh. Về mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình không biết cụ thể, chỉ biết vào ngày 28 tết chị X1 không về nhà, anh C1 có gọi điện, vợ chồng lời qua tiếng lại rồi từ đó chị X1 không về nhà nữa. Nhưng chị vẫn gửi con cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến khi cháu học lớp 1 thì chị X1 đón về nhà ngoại để ở và đi học. Việc ly hôn là do vợ chồng giải quyết. Hiện nay, anh C1 đang đi làm việc ở xa, nhưng vẫn thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình. Ông T đã nhận giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác. Ông T cam kết giao lại cho anh C1. Anh C1 đã trao đổi lại anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị X1 được ly hôn anh Phạm Thế C1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Thế M, sinh ngày 24/01/2014. Giao cháu M cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị X1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị X1 không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị X1 phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị X1 làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Thế C1 trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Phạm Thị X1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Thế C1 hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh với chính quyền địa phương, anh C1 có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Anh đang đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh vẫn về quê, anh C1 đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn V, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

Anh C1 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy tiến hành xét xử vắng mặt anh C1. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị X1 và anh C1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/5/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị X1 và anh C1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đã ly thân, chị xin được ly hôn anh C1. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị X1 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Thế M, sinh ngày 24/01/2014. Chị X1 có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị là chính đáng. Cháu M có nguyện vọng được sống với chị X1. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị X1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị X1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị X1 được ly hôn anh Phạm Thế C1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Thế M, sinh ngày 24/01/2014. Giao cháu M cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị X1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị X1 phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0000953 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị X1 đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;

- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- UBND xã Cẩm Vân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**